

**CURRENT STATUS OF GENDER
PREJUDICE OF TEACHERS AT
SOME PRESCHOOLS IN HANOI CITY**

Bui Thi Lam, Phan Yen Nhi,
Sung Thi Nhung* and Cu Thi Phuong
*Faculty of Early Childhood Education,
Hanoi National University of Education,
Hanoi city, Vietnam*

*Corresponding author: Sung Thi Nhung,
e-mail: sunghung1504@gmail.com

Received August 19, 2024.

Revised September 21, 2024.

Accepted October 1, 2024.

**THỰC TRẠNG ĐỊNH KIẾN GIỚI CỦA
GIÁO VIÊN TẠI MỘT SỐ TRƯỜNG
MẦM NON TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH
PHỐ HÀ NỘI**

Bùi Thị Lâm, Phan Yến Nhi,
Sùng Thị Nhung* và Cứ Thị Phương
*Khoa Giáo dục Mầm non, Trường Đại học
Sư phạm Hà Nội, thành phố Hà Nội, Việt Nam*

*Tác giả liên hệ: Sùng Thị Nhung,
email: sunghung1504@gmail.com

Ngày nhận bài: 19/8/2024.

Ngày sửa bài: 21/9/2024.

Ngày nhận đăng: 1/10/2024.

Abstract. In preschool education, teachers' gender stereotypes affect the organization of the environment, creating opportunities for children to explore, express, and develop abilities. This study focuses on understanding gender bias among 30 teachers at 3 preschools in Hanoi city. This quantitative study uses questionnaires and self-assessment of teachers on knowledge, attitudes, and practices, combined with in-depth interviews of 3 cases. The results indicate that preschool teachers have limited knowledge regarding gender and gender equality. Teachers self-assess that they have some initial understanding of gender stereotypes and the effects of gender stereotypes on children. Teachers do not intentionally have gender-biased attitudes and behaviors when organizing children's educational activities. However, in reality, they still show mechanical and stereotypical attitudes and behaviors related to factors of gender in the classroom. The results of this research are the basis for finding solutions in training and fostering preschool teachers to minimize gender stereotypes in education.

Keywords: gender stereotypes, preschool teachers, current situation.

Tóm tắt. Trong giáo dục mầm non, định kiến giới của giáo viên có ảnh hưởng đến việc tổ chức môi trường, tạo cơ hội cho trẻ khám phá, thể hiện và phát triển khả năng. Nghiên cứu này tìm hiểu thực trạng định kiến giới của 30 giáo viên tại 3 trường mầm non trên địa bàn thành phố Hà Nội. Đây là một nghiên cứu định lượng sử dụng phiếu hỏi, tự đánh giá của giáo viên về kiến thức, thái độ và thực hành có kết hợp phỏng vấn sâu 3 trường hợp. Kết quả cho thấy giáo viên mầm non có kiến thức hạn chế về giới và bình đẳng giới. Giáo viên tự đánh giá họ có một vài hiểu biết ban đầu về định kiến giới và ảnh hưởng của định kiến giới tới trẻ. Giáo viên không chú ý có thái độ và hành vi định kiến giới trong quá trình tổ chức hoạt động giáo dục trẻ, tuy nhiên thực tế họ vẫn có biểu hiện máy móc, rập khuôn trong thái độ và hành vi liên quan đến yếu tố giới trong lớp học. Kết quả nghiên cứu này là cơ sở để tìm kiếm các giải pháp trong đào tạo, bồi dưỡng giáo viên mầm non nhằm giảm thiểu rào cản định kiến giới trong giáo dục trẻ.

Từ khóa: định kiến giới, giáo viên mầm non, thực trạng.

1. Mở đầu

Bình đẳng giới là một vấn đề quan trọng trong giáo dục nói chung, giáo dục mầm non nói riêng để xây dựng một môi trường học tập công bằng, đảm bảo cơ hội tiếp cận và phát triển tiềm năng của mỗi trẻ em, thúc đẩy sự đa dạng. Trẻ em lứa tuổi mầm non bắt đầu quan tâm đến sự khác biệt giữa nam và nữ, tìm hiểu về vai trò và kì vọng của giới bằng cách nhận được thông điệp về hành vi vai trò của nam giới và nữ giới từ môi trường xung quanh thông qua những gì trẻ thấy, nghe và làm. Vì vậy trong giáo dục mầm non, giáo viên là tác nhân quan trọng trong giai đoạn trẻ bắt đầu xác định bản thân và khám phá bản sắc giới của mình. Giáo viên cần có đủ các năng lực nhận biết, sử dụng, hiểu và kiểm soát những cảm xúc, hành vi của mình, của trẻ, đồng nghiệp và các bậc cha mẹ để đảm bảo bình đẳng giới trong quá trình chăm sóc-giáo dục trẻ. Tuy nhiên, có thể do vô tình hoặc cố ý, các biểu hiện định kiến giới vẫn còn tồn tại khá phổ biến trong giáo dục mầm non làm hạn chế sự lựa chọn của trẻ em trong các hoạt động giáo dục và các cơ hội phát triển cá nhân.

Một số nghiên cứu đã chỉ ra các yếu tố định kiến giới của giáo viên mầm non (GVMN) ảnh hưởng đến những khía cạnh trong giáo dục trẻ em. Nghiên cứu của Hyun, Eunsook; Tyler, Mike (1999) trên 121 GVMN đã cho thấy có định kiến trong mô tả phổ biến về trẻ trai (năng động, ồn ào, hung hãn) và gái (im lặng, nói nhiều, nhạy cảm) [1]. Nghiên cứu của nhóm tác giả Wolter, I., Braun, E., & Hannover, B. (2015) [2] đã cho thấy rằng thái độ về giới của GVMN có ảnh hưởng đến trẻ không chỉ ở khía cạnh đọc mà còn nhiều khía cạnh khác. Nghiên cứu tổng quan hệ thống về những khuôn mẫu và định kiến về giới trong giáo dục mầm non của King và cộng sự (2021) và một số tác giả khác đã chỉ ra rằng môi trường văn hóa và xã hội đóng một vai trò lớn trong việc định hình các dấu hiệu hoặc nhận xét về giới ở trẻ nhỏ [3], [4], [5]. Một hướng nghiên cứu khác cũng được các tác giả quan tâm là các kỹ thuật khác nhau như “so sánh và đối chiếu” để phát hiện và thay đổi các niềm tin về giới nhằm giáo dục bình đẳng giới cho trẻ [6].

Ở Việt Nam, đã có một số tác giả công bố các nghiên cứu liên quan đến định kiến giới [7], [8]. Tác giả Nguyễn Minh Tuấn đã nghiên cứu sự ảnh hưởng của định kiến giới đến bất bình đẳng trong giáo dục tại Việt Nam. Ông cho rằng định kiến giới trong giáo dục đã góp phần tạo ra sự chênh lệch và bất bình đẳng giữa nam và nữ trong quá trình học tập và phát triển bản thân [7].

Các nghiên cứu đã công bố đều tập trung làm rõ ảnh hưởng của định kiến giới ở giáo viên đến sự phát triển của trẻ em, song còn rất ít các nghiên cứu chỉ ra thực trạng định kiến giới của giáo viên, đặc biệt là ở cấp học mầm non. Với mong muốn có thêm những hiểu biết về định kiến giới của GVMN, bài viết này tập trung làm rõ thực trạng định kiến giới của GVMN, dựa trên nghiên cứu nhóm giáo viên ở địa bàn thành phố Hà Nội.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này sử dụng phương pháp chính là điều tra viết. Sử dụng phiếu điều tra để tìm hiểu về thực trạng định kiến giới của giáo viên ở một số trường mầm non trên địa bàn thành phố Hà Nội. Phiếu khảo sát được thiết kế trên google form và liên kết khảo sát được phân phối thông qua zalo, email. Công cụ nghiên cứu là bảng hỏi được thiết kế với 4 phần, phần thông tin chung với 6 mục, phần kiến thức có 3 câu hỏi với 11 mục dạng câu hỏi có/không, phần thái độ có 4 câu hỏi với 9 mục dạng câu hỏi có/không, và phần thực hành có 4 câu hỏi với 22 mục theo thang likert 3 (1 = thường xuyên, 2 = thỉnh thoảng, 3 = không bao giờ). Số liệu khảo sát được xử lí bằng phương pháp thống kê toán học để tính toán tỉ lệ %, giá trị điểm trung bình (\bar{DTB}/\bar{x}). Ngoài ra, thực hiện phỏng vấn sâu một số giáo viên để làm rõ hơn các thông tin thu được từ phiếu khảo sát.

Nghiên cứu được thực hiện trên 30 GVMN trên địa bàn thành phố Hà Nội vào tháng 4 năm 2024. Trong đó, điều tra bằng phiếu hỏi trên cả 30 giáo viên và phỏng vấn sâu 3 giáo viên. Thông tin về giáo viên tham gia khảo sát được thể hiện ở Bảng 1.

Bảng 1. Thông tin giáo viên tham gia nghiên cứu

Biến	SL (n=30)	%	
Thâm niên công tác (năm)	Dưới 5 năm	12	40,00
	5- 10 năm	9	30,00
	10-15 năm	4	13,33
	Trên 15 năm	5	16,67
Loại trường	Tư thực	14	46,67
	Công lập	16	53,33
Trình độ học vấn	Trung cấp	2	6,67
	Cao đẳng	12	40,00
	Đại học	14	46,67
	Trên đại học	2	6,67

Hạn chế của nghiên cứu: Nghiên cứu thực hiện chủ yếu bằng phương pháp nghiên cứu định lượng, các dữ liệu định tính còn hạn chế do vậy có thể chưa khai thác và tìm hiểu sâu về thực trạng kiến thức và kỹ năng của GVMN. Bên cạnh đó, các số liệu trong nghiên cứu này mới chỉ được khảo sát tại ba trường thuộc khu vực nội thành của thành phố Hà Nội.

2.2. Kết quả nghiên cứu

2.2.1. Kiến thức của giáo viên về định kiến giới

- *Hiểu biết của giáo viên về thuật ngữ định kiến giới:* Qua khảo sát cho thấy, đa số giáo viên đã biết đến thuật ngữ định kiến giới và một số khía cạnh trong định nghĩa định kiến giới.

Kết quả Bảng 2 cho thấy: Có hơn một nửa (56,67%) giáo viên được khảo sát đã xác định đúng định nghĩa định kiến giới đó là những nhận thức, thái độ, đánh giá thiên lệch, tiêu cực về đặc điểm, vị trí, vai trò và năng lực của nữ - nam. Các ý kiến khác phản ánh chưa đầy đủ về định nghĩa định kiến giới cũng được giáo viên lựa chọn nhưng tỉ lệ ít hơn lần lượt chiếm 20% và chiếm 23,33% cho các ý kiến: Là những quan điểm suy nghĩ, niềm tin máy móc rập khuôn của mỗi người về những điều họ cho rằng chỉ phù hợp với nữ hoặc nam giới; Là thái độ có sẵn của xã hội nhìn nhận không đúng về khả năng, tính cách mà nam - nữ nên có hoặc không nên có; về loại hình hoạt động nghề nghiệp mà nam - nữ. Qua phỏng vấn sâu các giáo viên cho biết rằng họ “biết đến thuật ngữ định kiến giới qua những bài viết trên các trang mạng xã hội liên quan đến giới, phổ biến như trọng nam khinh nữ”.

Bảng 2. Hiểu biết của giáo viên về thuật ngữ "Định kiến giới"

Nội dung	SL	%
Là nhận thức, thái độ, đánh giá thiên lệch, tiêu cực về đặc điểm, vị trí, vai trò và năng lực của nữ- nam	17	56,67
Là những quan điểm suy nghĩ, niềm tin máy móc rập khuôn của mỗi người về những điều họ cho rằng chỉ phù hợp với nữ hoặc nam giới	6	20
Là thái độ có sẵn của xã hội nhìn nhận không đúng về khả năng, tính cách mà nam- nữ nên có hoặc không nên có; về loại hình hoạt động nghề nghiệp mà nam- nữ giới có thể hoặc không thể làm.	7	23,3

- *Hiểu biết của giáo viên về ảnh hưởng của định kiến giới đến trẻ:* 100% giáo viên cho rằng định kiến giới có ảnh hưởng tiêu cực đến trẻ em. Các ảnh hưởng cụ thể được giáo viên lựa chọn bao gồm: Tạo ra môi trường giáo dục không bình đẳng (chiếm 40%); Hạn chế khả năng khám

phá của trẻ (chiếm 23,33%); Gây ra sự tự ti, mặc cảm (chiếm 20%); Hình thành định kiến tiêu cực ở trẻ (chiếm 16,67%).

- *Hiểu biết của giáo viên về biểu hiện của định kiến giới*: Giáo viên chưa có hiểu biết đầy đủ về những biểu hiện của định kiến giới trong giáo dục mầm non. Biểu hiện được nhiều giáo viên cho là định kiến giới là gắn cho trẻ những đặc điểm và hành vi dựa trên giới tính (86,67%), biểu hiện sử dụng tài liệu giáo dục có nội dung mang tính chất phân biệt giới không được các giáo viên lựa chọn nhiều (13,33%). Còn biểu hiện nội dung tập trung vào những chủ đề và hoạt động truyền thống theo giới tính không có giáo viên nào lựa chọn. Kết quả này cho thấy, GVMN còn xem xét các biểu hiện định kiến giới trong phạm vi hẹp liên quan đến bản thân trẻ, những biểu hiện trong tài liệu học tập, các thông tin khác xung quanh trẻ chưa được nhận thức đầy đủ. Phỏng vấn giáo viên cho biết: “trong môi trường giáo dục mầm non sẽ có thể có những hành động, hành vi, lời nói thể hiện định kiến như: Con trai phải mạnh mẽ còn con gái dịu dàng, con trai thì chơi xây dựng, học võ, đá bóng còn con gái chỉ chơi búp bê, nấu ăn, đọc sách, học múa”.

2.2.2. Thái độ của giáo viên về định kiến giới

- *Mức độ quan tâm của giáo viên đến định kiến giới*: Đa số các giáo viên đều quan tâm đến vấn đề định kiến giới trong giáo dục mầm non, trong đó rất quan tâm và quan tâm có 28/30 giáo viên (chiếm 95%), tuy nhiên vẫn còn một số ít giáo viên không quan tâm.

- *Thái độ của giáo viên đối với vị trí trẻ trai và trẻ gái*: Kết quả khảo sát cho thấy, có 97% giáo viên cho rằng cả bé trai và bé gái đều được đảm nhận các vị trí như nhau trong lớp. Tìm hiểu sâu hơn thì cho thấy có 25/30 giáo viên (chiếm 83%) lựa chọn không có sự đối xử khác biệt giữa trẻ trai và gái, song vẫn có chiếm 17% cho rằng có sự đối xử khác nhau đối với trẻ theo giới.

- *Thái độ của giáo viên đối với sự tham gia của cha, mẹ trong phối hợp giáo dục với nhà trường*: Giáo viên có xu hướng thiên vị hơn về vai trò của người mẹ trong chăm sóc, giáo dục trẻ em, vì vậy có 80% giáo viên lựa chọn trao đổi tình hình học tập, sức khỏe của trẻ với mẹ của bé, chỉ có 20% giáo viên lựa chọn trao đổi với bố của trẻ hoặc ông của trẻ.

2.2.3. Thực hành của giáo viên có liên quan đến định kiến giới trong giáo dục mầm non

- *Các thực hành của giáo viên có liên quan đến định kiến giới khi lập kế hoạch giáo dục*

Kết quả Bảng 3 cho thấy, trong lập kế hoạch giáo dục trẻ: Một nửa giáo viên không bao giờ chú ý đến nhân vật nam/nữ trong truyện, 40% giáo viên thỉnh thoảng có chú ý và chỉ có 10% giáo viên thường xuyên chú ý. Điều này có thể dẫn đến học liệu sử dụng cho trẻ không có sự cân bằng về thông tin liên quan đến nam, nữ, dẫn đến trẻ em có thể có suy nghĩ thiên lệch về vị trí của nam, nữ trong xã hội. Chẳng hạn, nếu giáo viên không chú ý thì có thể phần lớn các truyện kể đều nói về các vị anh hùng làm nam giới, vô hình chung có thể dẫn đến suy nghĩ định kiến ở trẻ em rằng anh hùng chỉ có nam.

Bảng 3. Thực hành của giáo viên có liên quan đến định kiến giới trong lập kế hoạch giáo dục

TT	Nội dung	Thường xuyên (SL, %)	Thỉnh thoảng (SL, %)	Không bao giờ (SL, %)	Mean	SD
1	Khi lựa chọn truyện kể, có chú ý đến nhân vật nam/nữ trong truyện	3 (10,00)	12 (40,00)	15 (50,00)	1,60	0,67
2	Khi chuẩn bị câu hỏi, có xác định những câu hỏi dành cho trẻ trai hoặc trẻ gái	3 (10,00)	9 (30,00)	18 (60,00)	1,50	0,68
3	Có dự kiến góc chơi dựa trên số lượng trẻ trai/ trẻ gái	4 (13,33)	12 (40,00)	14 (46,63)	1,67	0,71

Trong thực tế, khi chuẩn bị câu hỏi, có đến 60% giáo viên không bao giờ xác định những câu hỏi dành cho trẻ trai hoặc trẻ gái, như vậy những câu hỏi được đưa ra cho các trẻ là như nhau. Đây là một biểu hiện cho thấy GV không có đánh giá khác nhau về khả năng trả lời câu hỏi của trẻ trai và trẻ gái. Tuy nhiên vẫn còn 40% giáo viên thường xuyên hoặc thỉnh thoảng có xác định câu hỏi dành cho trẻ trai/gái.

Khi dự kiến góc chơi có 46,63% giáo viên được hỏi không bao giờ dự kiến góc chơi dựa trên số lượng trẻ trai/ trẻ gái. Tuy nhiên lại có tới 40% GV thỉnh thoảng và 13,33% GV thường xuyên chú ý đến số lượng trẻ trai và gái để chuẩn bị các góc chơi, như vậy giáo viên vẫn còn phân biệt về góc chơi dành cho trẻ trai/gái.

- Thực hành của giáo viên có liên quan đến định kiến giới khi xây dựng môi trường hoạt động

Trong sắp xếp khu vực chơi cho trẻ, kết quả khảo sát cho thấy còn có một tỉ lệ nhất định giáo viên có định kiến giới trong sắp xếp, trang trí khu vực hoạt động, góc chơi cho trẻ. Có 13,33% giáo viên thường xuyên sắp xếp khu vực chơi riêng cho trẻ trai/ trẻ gái, 16,67% giáo viên thường xuyên trang trí góc chơi phù hợp cho trẻ trai/ trẻ gái và khoảng 30- 40% giáo viên thỉnh thoảng thực hiện những việc này. Kết quả này cho thấy giáo viên đã tạo ra được môi trường vui chơi bình đẳng, trẻ có thể tự do lựa chọn các góc chơi theo sở thích của mình, phát huy tiềm năng và tôn trọng đa dạng giới tính của trẻ. Tuy nhiên, vẫn còn số ít giáo viên rất thường xuyên và thường xuyên sắp xếp, trang trí các góc chơi theo giới tính của trẻ, vô tình tạo ra cho trẻ những rào cản trong tiếp cận cơ sở vật chất, định hình và hạn chế sự khám phá của trẻ.

Giáo viên ít có định kiến giới hơn trong sử dụng vật liệu chơi và màu sắc trong lớp học mầm non. Đa số giáo viên không có sự phân chia vật liệu chơi - đồ chơi, sử dụng màu sắc của đồ chơi và trang trí trong lớp theo giới, tỉ lệ giáo viên không bao giờ thực hiện các hành vi này lần lượt là 70% và 53,64%.

Bảng 4. Thực hành có liên quan đến định kiến giới khi xây dựng môi trường hoạt động cho trẻ

TT	Nội dung	Thường xuyên (SL, %)	Thỉnh thoảng (SL, %)	Không bao giờ (SL, %)	Mean	SD
1	Sắp xếp các khu vực chơi/hoạt động riêng cho trẻ trai/trẻ gái	4 (13,34)	13 (43,33)	13 (43,33)	1,70	0,70
2	Lưu ý trang trí góc chơi/hoạt động phù hợp cho trẻ trai/trẻ gái	5 (16,67)	10 (33,33)	15 (50,00)	1,67	0,76
3	Vật liệu chơi, đồ chơi trong lớp của có sự phân chia theo giới	2 (6,67)	7 (23,33)	21 (70,00)	1,37	0,61
4	Thường dùng một số màu dành cho trẻ trai/trẻ gái khi làm đồ chơi/trang trí	3 (10,00)	11 (36,67)	16 (53,64)	1,57	0,68

- Thực hành của giáo viên có liên quan đến định kiến giới khi tổ chức hoạt động cho trẻ

Kết quả Bảng 5 cho thấy, các hành vi định kiến giới khi tổ chức hoạt động giáo dục được giáo viên thực hiện nhiều nhất là “Đưa ra gợi ý các góc chơi/hoạt động phù hợp với trẻ trai/trẻ gái” với điểm trung bình là 1,93/3, tiếp sau đó là hành vi “Khi sử dụng tài liệu và lấy ví dụ minh họa, thường miêu tả trẻ trai mạnh mẽ, trẻ gái dịu dàng”. Hai hành vi này có tới 80% và 70% giáo viên thỉnh thoảng hoặc thường xuyên thực hiện. Đây cũng là những định kiến thường gặp ở giáo viên trong giáo dục trẻ em, họ thường định kiến rằng trò chơi/góc chơi bán hàng, nấu ăn hợp với trẻ gái hơn, trò chơi xây dựng, lắp ghép hợp với trẻ trai hơn và có xu hướng gợi ý cho trẻ lựa chọn trò chơi/hoạt động theo định kiến đó. Mặt khác, định kiến về tính cách của trẻ trai và gái cũng

thường hay gặp trong những nhận xét hay lấy ví dụ của giáo viên. Kết quả này có phần phù hợp với nghiên cứu đã được công bố của nhóm tác giả Hyun và cộng sự (1999) [2].

Bảng 5. Thực hành có liên quan đến định kiến giới khi tổ chức hoạt động cho trẻ

TT	Nội dung	Thường xuyên (SL, %)	Thỉnh thoảng (SL, %)	Không bao giờ (SL, %)	Mean	SD
1	Khi giao nhiệm vụ liên quan đến nội dung toán, khoa học, thường giao cho trẻ trai nhiều hơn trẻ gái	2 (6,67)	4 (13,33)	24 (80,00)	1.27	0,58
2	Trong các nội dung học về nghệ thuật, giao nhiệm vụ/ chia nhóm cho trẻ gái nhiều hơn trẻ trai	3 (10,00)	6 (20,00)	21 (70,00)	1.40	0,67
3	Đưa ra gợi ý các góc chơi/hoạt động phù hợp với trẻ trai/trẻ gái	4 (13,33)	20 (66,67)	6 (20,00)	1.93	0,58
4	Khi trò chuyện về nội dung học tập, thường tương tác với trẻ gái nhiều hơn trẻ trai	2 (6,67)	6 (20,00)	22 (63,33)	1.33	0,61
5	Khi sử dụng tài liệu và lấy ví dụ minh họa, thường miêu tả trẻ trai mạnh mẽ, trẻ gái dịu dàng	3 (10,00)	18 (60,00)	9 (30,00)	1.80	0,61
6	Thường dễ dàng tha thứ cho những hành vi không phù hợp của trẻ trai/ gái nhiều hơn	1 (3,33)	6 (20,00)	23 (76,67)	1.27	0,52

Một số hành vi định kiến giới trong tổ chức hoạt động cho trẻ còn thỉnh thoảng xuất hiện ở giáo viên là đánh giá cao hơn khả năng của trẻ trai trong hoạt động liên quan đến toán, khoa học, nhưng đánh giá cao hơn trẻ gái trong các nội dung hoạt động về nghệ thuật, hoặc khi trò chuyện về nội dung học tập, thường tương tác với trẻ gái nhiều hơn trẻ trai, thường dễ dàng tha thứ cho những hành vi không phù hợp của trẻ trai/ gái nhiều hơn.

Khi phỏng vấn, các giáo viên chia sẻ rằng bản thân họ “không để ý đến định kiến giới trong quá trình lập kế hoạch giáo dục, khi xây dựng môi trường và tổ chức hoạt động cho trẻ nhưng đôi khi bản thân cô cũng vô tình có những lời nói, hành động thể hiện sự định kiến mà cô không để ý, đơn giản như là các bạn trai to khỏe hơn nên giao nhiệm vụ giúp các cô bê bàn, các bạn nữ khéo léo sẽ giúp cô trải chiếu...”

- Thực hành của giáo viên liên quan đến định kiến giới trong đánh giá trẻ

Hành vi định kiến giới trong đánh giá trẻ được giáo viên thực hiện nhiều nhất là “đánh giá trẻ trai cần mạnh mẽ hơn trẻ gái” với 6,67% giáo viên được hỏi thường xuyên thực hiện, 66,67% giáo viên thỉnh thoảng thực hiện, điểm trung bình 1,80/3 gần tiến tới mức thỉnh thoảng thực hiện (Bảng 6).

Hành vi định kiến giới trong đánh giá trẻ được thực hiện ít hơn là những đánh giá về khả năng học tập của trẻ như “Trẻ gái có năng khiếu hơn trẻ trai trong các nội dung học về nghệ thuật”, “Trẻ trai chơi lắp ghép - xây dựng giỏi hơn trẻ gái”, “Kì vọng cao về thành tích học tập và hành vi của trẻ trai hơn trẻ gái hoặc ngược lại” với điểm trung bình dao động từ 1,37 đến 1,47.

Ngoài ra, giáo viên vẫn còn thực hiện một số hành vi định kiến giới trong đánh giá trẻ liên quan đến tính tự lập và thái độ học tập, vẫn còn một số giáo viên đánh giá “Thái độ học tập của trẻ gái tốt hơn trẻ trai”, “Tính tự lập của trẻ gái tốt hơn trẻ trai”.

Bảng 6. Thực hành của giáo viên có liên quan đến định kiến giới trong đánh giá trẻ

TT	Nội dung	Thường xuyên (SL, %)	Thỉnh thoảng (SL, %)	Không bao giờ (SL, %)	Mean	SD
1	Đánh giá trẻ trai cần mạnh mẽ hơn trẻ gái	2 (6,67)	20 (66,67)	8 (26,66)	1.80	0,55
2	Trẻ gái có năng khiếu hơn trẻ trai trong các nội dung học về nghệ thuật	3 (10,00)	8 (26,66)	19 (63,34)	1.47	0,68
3	Năng lực học toán, khoa học của trẻ trai tốt hơn trẻ gái	1 (3,33)	6 (20,00)	23 (76,67)	1.27	0,52
4	Trẻ trai chơi lắp ghép- xây dựng giỏi hơn trẻ gái	1 (3,33)	10 (33,33)	19 (63,34)	1.40	0,56
5	Thái độ học tập của trẻ gái tốt hơn trẻ trai	3 (10,00)	6 (20,00)	21 (70,00)	1.40	0,67
6	Tính tự lập của trẻ gái tốt hơn trẻ trai	1 (3,33)	9 (30,00)	20 (66,67)	1.37	0,56
7	Kì vọng cao về thành tích học tập và hành vi của trẻ trai hơn trẻ gái hoặc ngược lại	4 (13,33)	3 (10,00)	23 (76,67)	1.37	0,72

Tổng hợp kết quả khảo sát về kiến thức, thái độ và hành vi của giáo viên về định kiến giới tại một số trường mầm non trên địa bàn thành phố Hà Nội có thể thấy rằng: đa số giáo viên đã có một số hiểu biết về định kiến giới và nhận thức đúng về ảnh hưởng của định kiến giới đến trẻ em và đều thể hiện thái độ quan tâm đến định kiến giới trong giáo dục mầm non. Giáo viên không chủ ý thực hiện các hành vi định kiến giới trong quá trình chăm sóc, giáo dục trẻ từ lập kế hoạch, tổ chức môi trường học tập, tổ chức hoạt động giáo dục và đánh giá trẻ. Song giáo viên vẫn còn định kiến về vai trò và khả năng của nam và nữ trong xã hội, dẫn đến việc áp đặt các giới hạn với trẻ trai/gái hoặc vô tình chuyển đến trẻ em thông điệp định kiến giới trong quá trình giáo dục, đặc biệt trong hành vi của giáo viên khi tổ chức hoạt động giáo dục và đánh giá trẻ. Ngay cả những giáo viên công tác lâu năm vẫn còn chịu ảnh hưởng của mô hình xã hội theo khuôn mẫu về giới tính áp đặt lên trẻ, việc cho rằng trẻ trai cần mạnh mẽ hơn trẻ gái, vẫn gợi ý các góc chơi/ hoạt động dành riêng cho trẻ trai hoặc trẻ gái là những biểu hiện nổi bật của thực trạng.

Giáo viên chưa được trang bị đầy đủ các kiến thức về giới trong giáo dục mầm non một cách có hệ thống và xem xét vấn đề định kiến giới một cách toàn diện từ các vấn đề liên quan đến thái độ, hành vi của người lớn, môi trường, vật liệu, tài liệu học tập... Do vậy, giáo viên cần được cung cấp thông tin, tài liệu, bồi dưỡng về bình đẳng giới để có được các thực hành tốt tạo môi trường đa dạng, phát huy khả năng của trẻ và hoà nhập, công bằng cho mọi trẻ em.

3. Kết luận

Kết quả khảo sát thực trạng định kiến giới của giáo viên tại một số trường mầm non trên địa bàn thành phố Hà Nội cho thấy vấn đề định kiến giới cần được quan tâm nhiều hơn trong thực tiễn giáo dục mầm non hiện nay.

Nghiên cứu này bao gồm ba nội dung: Thứ nhất là kiến thức của giáo viên về định kiến giới trong giáo dục mầm non. Các phát hiện đã chỉ ra rằng giáo viên đã có hiểu biết về khái niệm, ảnh

hưởng của định kiến giới tới trẻ, biểu hiện của định kiến giới, song đây mới chỉ là những hiểu biết ban đầu, chưa đầy đủ và toàn diện về định kiến giới.

Thứ hai là thái độ của giáo viên liên quan đến định kiến giới trong giáo dục mầm non. Kết quả khảo sát đã cho thấy đa số giáo viên đều quan tâm đến vấn đề định kiến giới, có thái độ công bằng với vị trí của trẻ em trong lớp. Tuy nhiên bên cạnh đó vẫn còn số ít giáo viên có thái độ thiên lệch đối với vị trí của trẻ em và sự tham gia của cha, mẹ trẻ trong quá trình giáo dục.

Thứ ba là thực hành của giáo viên có liên quan đến định kiến giới. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng, có sự chênh lệch giữa kiến thức, thái độ và hành vi của giáo viên. Dù hiểu về định kiến giới và ảnh hưởng của định kiến tới trẻ. Tuy nhiên chúng tôi nhận thấy vẫn có một số giáo viên có định kiến trong việc lập kế hoạch giáo dục trẻ, xây dựng môi trường học tập, tổ chức hoạt động và đánh giá trẻ, làm đóng khung tích cách, hạn chế sự phát triển toàn diện của trẻ. Giáo viên không chủ định có sự định kiến giới nhưng trong vô thức những thái độ và hành vi của giáo viên đã vô tình thể hiện sự định kiến. Điều này cho thấy giáo viên chưa được trang bị thật đầy đủ kiến thức liên quan tới định kiến giới trong giáo dục mầm non.

Những phát hiện trên mới chỉ là bước đầu và trong một phạm vi nhỏ song có thể là cơ sở để thực hiện các nghiên cứu rộng rãi với quy mô lớn hơn, cũng như tìm kiếm các giải pháp nâng cao kiến thức, thái độ và thực hành của giáo viên mầm non về giới một cách toàn diện. Đặc biệt chú trọng các thực hành đảm bảo bình đẳng giới trong giáo dục mầm non.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Hyun, Eunsook, Tyler & Mike (1999), Examination of Preschool Teachers' Biased Perception on Gender Differences. *Reports Research* (143), 1-8.
- [2] Wolter I, Braun E, & Hannover B, (2015). Reading is for girls!? The negative impact of preschool teachers' traditional gender role attitudes on boys' reading-related motivation and skills. *Frontiers in Psychology*, 6, 1267.
- [3] King TL, Scovelle AJ, Meehl A, Milner AJ, & Priest N, (2021). Gender stereotypes and biases in early childhood: A systematic review. *Australasian Journal of Early Childhood*, 46(2), 112-125, <https://doi.org/10.1177/1836939121999849>
- [4] Akkaya B, & Donertas, (2023). Gender in preschool education according to pre-service teacher. *Research on Education and Psychology (REP)*, 7(Special Issue 2), 654-655.
- [5] Trepanier-Street ML & Romatowski JA, (1999). The influence of children's literature on gender role perceptions: A reexamination. *Early Childhood Education Journal*, 26(3), 155-159.
- [6] Pinedo R, Cañas M, García N, & López N, (2018). Making visible what is invisible: gender stereotypes in early childhood. In *INTED 2018 Proceedings* (pp. 5492-5496).
- [7] NM Tuấn (2023). Ảnh hưởng của định kiến giới đến bất bình đẳng trong giáo dục tại Việt Nam. Kì yếu hội thảo khoa học *Bình đẳng giới trong giáo dục*, 18-19.
- [8] TM Đức (2009). Định kiến và áp lực xã hội đối với nữ tri thức. *Tạp chí Tri thức trẻ*.